

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN VIII

Phẩm 4: NHƯ LAI TÁNH 5

Này thiện nam! Kinh Phương Đẳng như nước cam lồ, cũng như thuốc độc.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Do duyên gì mà Như Lai nói kinh Phương Đẳng ví như nước cam lồ, cũng như thuốc độc?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Nay ông muốn biết nghĩa chân thật kho tàng bí mật của Như Lai chăng?

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nay con thật muốn biết nghĩa kho tàng bí mật của Như Lai.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

*Có người uống cam lồ
Hại mạng bị chết sớm
Hoặc người uống cam lồ
Thêm tuổi thọ sống lâu.
Người uống thuốc độc sống
Kẻ uống thuốc độc chết
Trí vô ngại cam lồ
Đó là kinh Đại Thừa.
Kinh Đại Thừa như vậy
Cũng gọi là thuốc độc
Như chất bọ, đê hồ*

Và các loại đường phèn.
Uống tiêu hóa là thuốc
Chẳng tiêu hóa là độc
Kinh Phương Đẳng cũng vậy
Bậc trí là cam lồ.
Ngu chẳng biết Phật tánh
Uống nó thì thành độc
Hàng Thanh văn, Duyên giác
Đại thừa là cam lồ.
Như trong các mùi vị
Sữa là hơn tất cả
Người nỗ lực tinh tấn
Nhờ nương pháp Đại thừa.
Đạt đến chỗ Niết-bàn
Thành Tượng vương trong đời
Chúng sinh biết Phật tánh
Như Bồ-tát Ca-diếp.
Vị cam lồ vô thượng
Không sinh cũng không diệt
Nay Ca-diếp phải nên
Khéo phân biệt Tam quy.
Tánh Tam quy như vậy
Tức là tánh của ngã
Nếu hay quan sát kỹ
Tánh ngã có tánh Phật.
Nên biết người như thế
Được vào tạng bí mật
Biết ngã và ngã sở
Người này đã xuất thế.
Tánh Phật, Pháp, Tam bảo
Bậc vô thượng đệ nhất
Như kệ Ta đã nói
Nghĩa Phật tánh như vậy

Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp nói kệ:

*Nay con chẳng biết được
Quy y nơi Tam bảo
Làm sao để đạt đến
Vô thượng không sợ hãi?
Không biết chỗ Tam bảo
Thế nào là vô ngã?
Quy y Phật thế nào
Để đạt được yên ổn?
Quy y pháp thế nào
Xin nguyện nói cho con
Thế nào là tự tại
Thế nào không tự tại.
Quy y Tăng thế nào
Được lợi ích vô thượng?
Nói chân thật thế nào
Đời sau thành Phật đạo?
Đời sau nếu không thành
Thế nào quy Tam bảo
Nay con chưa được biết
Nên tuân tự quy y.
Vì sao chưa thai nghén
Mà tưởng sẽ sinh con?
Chắc chắn ở trong thai
Thì gọi là có con.
Con nếu ở trong thai
Không lâu sẽ sinh con
Đây gọi là nghĩa con
Nghiệp chúng sinh cũng vậy.
Như lời Phật đã dạy
Người ngu không thể biết
Vì họ không biết được*

Ngục sinh tử luân hồi.
Tạm gọi Ưu-bà-tắc
Chẳng biết nghĩa chân thật
Xin nguyện phân biệt rõ
Trừ lưới nghi cho con.
Như Lai trí tuệ lớn
Rủ lòng thương phân biệt
Xin Như Lai nói cho
Kho tàng báu bí mật.
–Ca-diếp, ông nên biết
Nay Ta sẽ vì ông
Khéo mở tạng bí mật
Đoạn nghi ngờ cho ông.
Nay phải lắng lòng nghe
Ông trong hàng Bồ-tát
Thì đồng một danh hiệu
Với Đức Phật thứ bảy.
Người quy y nơi Phật
Thật gọi Ưu-bà-tắc
Không bao giờ quy y
Những trời, thần nào khác.
Người quy y nơi Pháp
Xa lìa sự sát hại
Người quy y Thánh Tăng
Chẳng cầu các ngoại đạo
Quy Tam bảo như vậy
Thì được không sợ hãi.

Ca-diếp bạch Phật:

–Nay con quy Tam bảo
Đây gọi là đường chánh
Cảnh giới của chư Phật
Tướng Tam bảo bình đẳng

Thường có tánh đại trí
 Tánh ngã và tánh Phật
 Không hai, không sai khác
 Đạo này Phật tán thán
 Thẳng đến chỗ an vui
 Cũng gọi Chánh Biến Tri
 Nên được Phật khen ngợi
 Con cũng đến Thiên Thệ
 Tán thán đạo vô thượng
 Là cam lồ tối thượng
 Các cõi đều không có.

Khi ấy, Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Nay ông không nên như hàng Thanh văn cùng hàng phàm phu phân biệt Tam bảo. Đối với Đại thừa này không có tướng Tam quy sai khác. Vì sao? Vì trong Phật tánh đã có Pháp và Tăng. Vì muốn hóa độ hàng Thanh văn và phàm phu nên Ta phân biệt nói tướng Tam bảo sai khác. Này thiện nam! Nếu muốn tùy thuận pháp thế gian thì nên phân biệt có ba pháp quy y.

Này thiện nam! Bồ-tát nên suy nghĩ như thế này: Nay thân của ta quy y nơi Phật, nếu ngay thân này được thành Phật đạo và đã thành Phật rồi thì không nên cung kính, lễ bái, cúng dường các Đức Thế Tôn. Vì sao? Vì chư Phật bình đẳng làm chỗ trở về nương tựa cho các chúng sinh. Người nào muốn tôn trọng pháp thân Xá-lợi thì phải kính lễ pháp của chư Phật. Vì sao? Vì muốn hóa độ các chúng sinh nên cũng làm cho chúng sinh với thân Ta khởi tưởng tháp miếu, lễ bái, cúng dường. Những chúng sinh như vậy lấy pháp thân của Ta làm chỗ trở về nương tựa. Còn những chúng sinh đều nương theo pháp tà ngụy không chân thật, Ta sẽ tuần tự vì họ mà nói pháp chân thật.

Lại có người trở về nương tựa nơi Tăng không chân thật thì Ta sẽ làm Tăng chân thật của họ nương tựa. Nếu có người phân biệt ba pháp quy y thì Ta sẽ vì họ làm một pháp quy y, không có ba pháp sai khác. Đối với người mù bẩm sinh thì Ta làm con mắt, vì hàng Thanh

vấn và Duyên giác làm nơi trở về chân thật. Nay thiện nam! Như vậy, Bồ-tát vì vô lượng chúng sinh xấu ác và các bậc trí mà làm Phật sự. Nay thiện nam! Ví như có người khi ra trận chiến đấu, liền nghĩ: “Ở trong này ta là hơn hết, tất cả binh lính đều nương cậy ta”. Cũng như thái tử suy nghĩ: “Ta sẽ điều phục các vương tử khác, nối dõi sự nghiệp của đại vương để được tự tại, khiến các vương tử thấy ta đều trở về nương tựa. Vì vậy, ta không nên sinh tâm thấp hèn”. Như vua, thái tử, các đại thần cũng vậy. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát cũng suy nghĩ như vậy: “Làm thế nào để ba sự việc cùng một thể với ta”. Nay thiện nam! Ta chỉ dạy ba việc tức là Niết-bàn. Như Lai gọi là bậc Vô Thượng Sĩ, giống như thân người, đầu là trên hết, chẳng phải là các bộ phận khác như tay, chân v.v... Đức Phật cũng vậy, là bậc tối thượng chẳng phải là Pháp, Tăng. Vì muốn hóa độ các chúng sinh trong thế gian nên thị hiện đủ những hình tướng sai khác như bậc thang kia. Vì vậy, ông không nên thọ trì tướng Tam quy sai khác như cái biết của phàm phu ngu muội. Đối với Đại thừa, ông phải nên tích cực quyết đoán như dao cứng chắc.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con biết nhưng vẫn hỏi, chứ chẳng phải không biết. Con vì bậc Bồ-tát đại dũng mãnh mà hỏi pháp tu hành thanh tịnh không cấu uế, muốn được Như Lai vì hàng Bồ-tát chỉ dạy rõ ràng sự việc kỳ đặc, khen ngợi kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng. Như Lai đại bi nay đã khéo nói: “Ta cũng an trụ trong pháp đó, nói pháp tu hành thanh tịnh của Bồ-tát, tức là tuyên thuyết kinh Đại Niết-bàn”.

Bạch Thế Tôn! Nay con sẽ khấp vì chúng sinh mà xiển dương kho tàng bí mật của Như Lai như vậy, cũng sẽ chứng biết ba chỗ trở về chân chánh. Chúng sinh nào có thể tin kinh Đại Niết-bàn này thì chúng sinh đó tự mình thấu rõ ba pháp quy y. Vì sao? Vì kho tàng bí mật của Như Lai có Phật tánh. Người nào có thể tuyên thuyết kinh điển này, đều nói trong thân có Phật tánh. Người như vậy thì không cầu pháp Tam quy ở đâu xa. Vì sao? Vì ở đời vị lai chính người đó sẽ thành tựu Tam bảo, cho nên hàng Thanh văn, Duyên giác và các chúng sinh khác đều cung kính, lễ bái, nương tựa người đó.

–Này thiện nam! Vì nghĩa đó phải khéo học kinh điển Đại Thừa.

Ca-diếp lại thưa:

–Phật tánh như vậy không thể nghĩ bàn, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp cũng không thể nghĩ bàn..

Bấy giờ, Đức Phật khen ngợi Bồ-tát Ca-diếp:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ông đã thành tựu trí tuệ thâm sâu sắc bén. Nay Ta sẽ giảng nói kỹ về việc nhập tạng Như Lai cho ông. Nếu ngã trụ tức là thường pháp, không lìa khổ, nếu là vô ngã thì tu hành hạnh thanh tịnh không lợi ích. Nếu nói các pháp đều không có ngã tức là đoạn kiến, nếu nói ngã thường trụ tức là thường kiến. Nếu nói tất cả hành vô thường tức là đoạn kiến, nói các hành là thường tức là thường kiến. Nếu nói khổ tức là đoạn kiến, nếu nói vui tức là thường kiến. Tu tập tất cả các pháp thường thì rơi vào đoạn kiến, tu tất cả các pháp đoạn thì rơi vào thường kiến. Như loài sâu đi cong mình cần nhờ chân trước mới di chuyển chân sau. Tu pháp thường, đoạn cũng như vậy, cần phải nhờ đoạn, thường. Vì nghĩa này, nên tu tập cái khổ của các pháp khác gọi là bất thiện, tu tập cái vui của các pháp khác thì gọi là thiện. Tu tập vô ngã của các pháp khác gọi là các phần phiền não. Tu tập cái thường của các pháp khác gọi là tạng bí mật của Như Lai. Nghĩa là Niết-bàn không có hang động nhà cửa, tu tập cái vô thường của các pháp khác tức là của cải. Tu tập cái thường của các pháp khác là Phật, Pháp, Tăng và chánh giải thoát. Phải nên biết trung đạo của pháp Phật cần phải xa lìa nhị biên mà nói pháp chân thật. Hàng phạm phu ngu muội đối với pháp đó không nghi ngờ. Như người bệnh gầy yếu, uống váng sữa rồi thì khí lực nhẹ nhàng. Pháp có, pháp không, thể tánh không nhất định. Ví như bốn đại, tánh của nó chẳng đồng, các tướng đều chống trái nhau, nên vị lương y khéo biết bệnh của đại nào đang phát sinh để chữa trị chóng khỏi.

Này thiện nam! Như Lai cũng vậy, đối với các chúng sinh, giống như vị lương y biết rõ thể tướng sai khác của các phiền não để dứt trừ, chỉ rõ tạng bí mật của Như Lai, Phật tánh thanh tịnh thường

trụ bất biến. Nếu nói có thì bậc trí không nên đắm nhiễm, nếu bảo không tức là nói dối, nếu bảo có thì không nên im lặng, cũng chẳng nên bàn luận tranh cãi, mà chỉ cần biết rõ tánh chân thật của các pháp. Kẻ phàm phu dẫu có bàn luận tranh cãi đi nữa cũng không thể hiểu được tạng bí mật vi diệu của Như Lai. Nếu nói khổ thì kẻ ngu muội liền cho thân này là vô thường. Nếu nói tất cả là khổ thì không thể biết nơi thân có tánh vui, hoặc nói vô thường thì kẻ phàm phu lại chấp tất cả thân đều vô thường, giống như ngói đất. Người có trí phải nên phân biệt chứ đừng bảo rằng tất cả các pháp đều vô thường. Vì sao? Vì nơi thân Ta đã có sẵn chủng tử Phật tánh. Nếu nói vô ngã thì phàm phu sẽ cho rằng tất cả Phật, Pháp đều không có ngã. Người trí nên phân biệt, vô ngã chỉ là giả danh không thực, biết rõ như vậy rồi thì không nên sinh nghi ngờ. Nếu bảo tạng bí mật của Như Lai là không tịch thì hàng phàm phu nghe rồi sinh ra kiến chấp đoạn diệt. Người có trí nên biết Như Lai là thường hằng không biến đổi. Hoặc nói giải thoát ví như huyễn hóa thì kẻ phàm phu sẽ cho rằng, giải thoát tức là mất hết. Người trí nên biết rõ bậc Sư tử trong loài người, tuy có đi lại nhưng thường trụ bất biến. Nếu nói vô minh làm nhân duyên cho hành thì phàm phu nghe rồi sinh ra phân biệt tưởng có hai pháp: minh và vô minh. Người có trí biết rõ tánh của pháp đó không hai. Tánh không hai tức là thật tánh. Nếu nói các hành làm nhân duyên cho thức thì phàm phu sẽ phân biệt có hai pháp: hành và thức, người trí biết rõ tánh đó không hai, tánh không hai ấy tức là thật tánh. Nếu nói mười điều thiện, mười điều ác, có thể làm, không thể làm, đường thiện, đường ác, pháp thiện, pháp ác, thì hàng phàm phu đều cho là hai, còn người trí biết rõ tánh đó không hai, tánh không hai ấy tức là thật tánh. Nếu bảo nên tu tập hết tất cả các pháp khổ thì phàm phu cho đấy là có hai, người trí biết rõ tánh của nó không hai, tánh không hai tức là thật tánh. Nếu nói tất cả hành là vô thường và tạng bí mật của Như Lai cũng là vô thường thì hàng phàm phu sẽ cho là có hai, người trí biết rõ tánh của nó không hai, tánh không hai tức là thật tánh. Tánh của ngã và vô ngã cũng không hai. Nghĩa tạng bí mật của Như Lai cũng như vậy, không thể tính đến, vô lượng vô biên, là chỗ mà chư Phật đều tán thán. Nay đối với các công đức đã

thành tự, Ta đã giảng nói hết trong kinh.

Này thiện nam! Tánh ngã, vô ngã tướng của nó không hai, các ông phải thọ trì như vậy. Này thiện nam! Ông nên ghi nhớ giữ gìn kinh này. Như trước đây trong kinh Đại Bát Nhã Ba La Mật, Ta đã nói ngã và vô ngã không có hai tướng. Này thiện nam! Như từ sữa tươi sinh ra sữa đặc, từ sữa đặc sinh ra váng sữa, từ váng sữa sinh ra bơ, từ bơ sinh ra đề hồ. Như vậy tánh từ sữa đặc ấy từ sữa tươi sinh ra hay tự nó sinh ra, hay từ cái khác sinh ra? Cho đến đề hồ cũng như vậy. Nếu từ cái khác sinh ra tức từ cái khác tạo thành chẳng phải do sữa sinh. Nếu chẳng phải do sữa sinh thì sữa trở thành vô dụng. Nếu tự nó sinh ra thì lẽ ra không tiếp nối mà sinh. Nếu tương tục sinh ra thì không thể cùng sinh. Nếu chẳng cùng sinh thì năm vị không cùng một lúc. Dù không có đồng một lúc nhưng chắc chắn không phải từ chỗ khác sinh ra. Phải biết trong sữa tươi trước đã có tướng của sữa đặc, vì nhiều vị ngọt nên không thể tự biến, cho đến đề hồ cũng như vậy. Do nhân duyên bò cái ăn cỏ, uống nước, tiêu hóa, đi vào huyết-mạch tạo thành sữa. Nếu ăn cỏ ngọt thì sữa có vị ngọt. Nếu ăn vị đắng thì sữa có vị đắng. Ở núi Tuyết có loại cỏ tên là phỉ ni. Nếu bò cái ăn cỏ này thì được thuần chất đề hồ, không có màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen. Do nhân duyên ăn cỏ lúa mà sữa bò có màu vị khác nhau. Cũng vậy, do nhân duyên minh và vô minh của chúng sinh nên sinh ra hai tướng. Nếu vô minh chuyển thì biến thành minh. Tất cả các pháp thiện, ác v.v... cũng vậy, không có hai tướng.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy, trong sữa tươi có sữa đặc, nghĩa ấy như thế nào? Bạch Thế Tôn! Nếu nói trong sữa tươi quyết định có sữa đặc, vì vi tế quá nên không thấy được thì tại sao nói từ nhân duyên sữa tươi sinh ra sữa đặc? Nếu nói pháp vốn không mới gọi là sinh, như nó đã có sao gọi là sinh? Nếu nói trong sữa tươi chắc chắn có sữa đặc thì trong trăm loại cỏ cũng có sữa thì trong sữa ấy đáng lẽ cũng có cỏ. Nếu nói trong sữa tươi chắc chắn không có sữa đặc thì tại sao do sữa tươi mà sinh ra sữa đặc? Nếu pháp trước không mà pháp sau có thì tại sao trong sữa lại không sinh ra cỏ?

–Này thiện nam! Không thể quyết định nói trong sữa tươi có sữa đặc hay nói trong sữa tươi không có sữa đặc, cũng không thể nói do cái khác sinh ra. Nếu nói trong sữa tươi chắc chắn có sữa đặc thì tại sao thể vị của nó lại khác nhau? Cho nên không thể nói trong sữa tươi chắc chắn có tánh của sữa đặc. Nếu nói trong sữa tươi chắc chắn không có sữa đặc thì tại sao do sữa tươi không sinh sừng thỏ mà bỏ độc vào trong sữa tươi thì sữa đặc giết chết người. Cho nên không thể nói trong sữa tươi chắc chắn không có tánh của sữa đặc. Nếu nói sữa đặc do tánh khác sinh ra thì tại sao trong nước không sinh ra sữa đặc. Cho nên không thể nói sữa đặc do thứ khác sinh ra. Này thiện nam! Do nhân duyên bò cái ăn cỏ tiêu hóa biến thành huyết, huyết biến ra trắng. Cỏ, huyết tiêu hóa rồi do phước lực của chúng sinh mà biến thành sữa. Sữa ấy tuy từ cỏ, huyết sinh ra nhưng không thể nói là hai thứ, chỉ gọi là từ nhân duyên sinh ra. Sữa đặc cho đến đề hồ cũng như vậy. Vì ý nghĩa nên gọi mùi vị của sữa bò. Sữa tươi biến thành sữa đặc là do những nhân duyên gì? Do hâm nóng hoặc lên men cho nên gọi là từ nhân duyên mà có, cho đến đề hồ cũng như vậy, nên không thể quyết định nói trong sữa tươi chắc chắn không có tướng của sữa đặc. Nếu từ thứ khác sinh ra, tức là lìa sữa tươi mà có thì không có lẽ ấy. Này thiện nam! Minh và vô minh cũng vậy. Nếu cùng với phiền não và kiết sử tương ứng thì gọi là vô minh. Nếu cùng với các pháp thiện tương ứng thì gọi là minh. Cho nên Ta nói không có hai tướng. Do nhân duyên này, trước đây Ta đã nói ở núi Tuyết có thứ cỏ tên là phì nị. Nếu bò cái ăn cỏ này thì sữa biến thành đề hồ. Phật tánh cũng vậy. Này thiện nam! Chúng sinh phước mỏng không thấy được cỏ này. Cũng vậy, Phật tánh bị phiền não che lấp nên chúng sinh không thể thấy được. Ví như nước trong biển cả đồng một vị mặn. Trong ấy cũng có nước thượng diệu, vị của nó giống như sữa tươi. Ví như núi Tuyết sinh ra nhiều thứ thuốc thành tựu đủ thứ công đức nhưng cũng có cỏ độc. Cũng vậy, thân của chúng sinh tuy có răn độc bốn đại nhưng trong đó cũng có thuốc hay là Phật tánh. Phật tánh không phải là pháp tạo ra nhưng bị khách trần phiền não che lấp. Nếu Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà có thể diệt trừ nó thì thấy được Phật tánh, thành đạo vô thượng. Ví như

giữa hư không, mây giăng, sấm nổi thì trên ngà của con voi đều sinh bông. Nếu sấm không có sấm vang lên thì bông không sinh, cũng không có tên gọi. Cũng vậy, Phật tánh của chúng sinh thường bị tất cả phiền não che lấp nên không thể thấy được. Vì vậy Ta nói chúng sinh không có ngã. Nếu người được nghe kinh Đại Bát Niết Bàn thâm diệu này thì thấy được Phật tánh giống như bông trên ngà voi. Dù nghe tất cả kinh Tam-muội của Khế kinh mà không nghe kinh này thì người ấy không biết được tướng vi diệu của Như Lai, giống như lúc không có sấm thì không thấy được bông trên ngà voi. Nghe kinh này rồi thì biết được tất cả Phật tánh tạng bí mật mà Như Lai đã nói. Ví như trời nổi sấm thì thấy bông trên ngà voi. Người nghe kinh này rồi thì biết được vô lượng chúng sinh đều có Phật tánh. Vì nghĩa đó nên nói kinh Đại Niết-bàn là tạng bí mật của Như Lai, tăng trưởng pháp thân giống như khi có sấm thì có bông trên ngà voi. Vì có thể tăng thêm ý nghĩa lớn như thế nên gọi là Đại Bát Niết Bàn. Nếu thiện nam, thiện nữ có thể tu tập kinh Đại Niết-bàn vi diệu này thì nên biết người ấy có thể báo được ân Phật, là đệ tử chân chánh của Phật.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Kỳ lạ thay! Thế Tôn đã nói Phật tánh thâm diệu, khó thấy khó vào. Hàng Thanh văn, Duyên giác cũng không thể biết được.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Đúng vậy! Đúng như lời ông đã khen ngợi, không trái lời dạy của Ta.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Phật tánh thâm diệu khó thấy khó vào?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ví như trăm người vì chữa trị mắt nên tìm đến lương y. Khi ấy lương y dùng kim vàng lột màng mắt cho họ, lột xong đưa một ngón tay lên hỏi: “Thấy không?”. Người mù trả lời: “Tôi vẫn chưa thấy”. Lương y lại đưa hai ngón, ba ngón. Người mù lại nói: “Thấy lờ mờ”. Này thiện nam! Kinh Đại Niết-bàn vi diệu

này, khi Như Lai chưa nói cũng như vậy. Vô lượng Bồ-tát tuy đã đủ hạnh Ba-la-mật cho đến bậc Thập trụ còn chưa có thể thấy được Phật tánh. Như Lai nói xong họ mới thấy được chút ít. Đại Bồ-tát này thấy rồi mới nói: “Bạch Thế Tôn! Kỳ lạ thay! Chúng con đã lưu chuyển chịu vô lượng sinh tử, thường bị vô ngã làm mê hoặc”.

Này thiện nam! Bồ-tát đạt đến quả vị Thập địa còn chưa biết rõ Phật tánh, huống chi là Thanh văn, Duyên giác mà có thể thấy được. Này thiện nam! Ví như có người nhìn chim nhận, chim ngỗng trên hư không, khi thì thấy nhận, khi thì thấy hư không, nhìn kỹ không thôi mới thấy lờ mờ. Bồ-tát Thập trụ đối với tánh Như Lai biết được chút ít cũng như vậy. Huống chi là hàng Thanh văn, Duyên giác mà có thể biết được. Này thiện nam! Ví như say rượu, đi trên đường chỉ thấy lờ mờ. Bồ-tát Thập trụ đối với tánh Như Lai thấy biết được chút ít cũng như vậy. Này thiện nam! Ví như người khát nước đi bộ trên đồng trống bị cơn khát bức bách, đi tìm nước thấy có rừng cây. Trên cây có con hạc trắng, người đó mê muội không phân biệt được là cây hay là nước, quan sát kỹ không thôi mới thấy hạc trắng và rừng cây. Này thiện nam! Bồ-tát Thập trụ đối với tánh Như Lai thấy biết được chút ít cũng như vậy. Này thiện nam! Ví như người ở trong biển cả, cách xa vô lượng trăm ngàn do-tuần, từ xa nhìn thấy chiếc thuyền lớn, lầu gác, nhà cửa ở ngoài khơi liền nghĩ: “Đó là lầu gác hay là hư không”, nhìn kỹ mới biết đó là chiếc thuyền. Bồ-tát Thập trụ đối với tự thân, thấy biết tánh Như Lai cũng như vậy. Này thiện nam! Ví như vương tử, thân rất yếu đuối, dạo chơi suốt đêm. Đến sáng hôm sau mắt nhìn tất cả không được rõ ràng. Bồ-tát Thập trụ đối với tự thân thấy tánh Như Lai không rõ ràng lắm, cũng giống như vậy. Này thiện nam! Ví như quan lại vì việc của triều đình, buộc phải làm suốt đêm, mới trở về nhà chớp nhoáng thấy một bầy trâu liền nghĩ: “Đó là bầy trâu, hay là đám mây, hay là dãy nhà”. Nhìn lâu người đó tưởng là trâu nhưng không quyết định chắc chắn. Bồ-tát Thập trụ đối với tự thân thấy tánh Như Lai chưa chắc chắn cũng giống như vậy. Lại nữa, này thiện nam! Như Tỳ-kheo trì giới nhìn nước không trùng mà thấy tướng trùng, liền nghĩ: “Cái cựa quậy trong đó là trùng hay là bụi?”. Nhìn lâu mới biết là bụi, tuy biết là

bụi nhưng cũng không rõ ràng lắm. Bồ-tát Thập trụ tự thân thấy tánh Như Lai cũng như vậy, không rõ ràng lắm. Nay thiện nam! Ví như có người ở trong bóng tối, từ xa thấy đứa trẻ, liền nghĩ: “Đó là bò, chim, hay là người?”. Nhìn lâu, dù người ấy nhận biết là người nhưng cũng không rõ ràng lắm. Bồ-tát Thập trụ đối với tự thân thấy tánh Như Lai không rõ ràng lắm cũng như vậy. Nay thiện nam! Ví như có người ở trong đêm tối thấy tượng Bồ-tát liền nghĩ: “Đây là tượng Bồ-tát hay tượng trời Tự Tại, hay là tượng trời Đại Phạm mặc áo nhuộm?”. Nhìn lâu, người ấy nghĩ đó là tượng Bồ-tát nhưng không rõ ràng. Bồ-tát Thập trụ đối với tự thân phân biệt thấy tánh Như Lai cũng như vậy, không được rõ ràng lắm. Nay thiện nam! Phật tánh ấy sâu xa khó thấy biết được như thế, chỉ có Phật mới có năng lực biết được. Hàng Thanh văn, Duyên giác không thể biết được. Nay thiện nam! Người trí nên quan sát như vậy để phân biệt rõ tánh Như Lai.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Phật tánh vi tế khó thấy biết như vậy thì làm sao mắt thịt có thể thấy được?

Đức Phật dạy:

–Nay thiện nam! Như trời Phi tưởng, phi phi tưởng kia cũng chẳng phải là đối tượng mà hàng Nhị thừa có thể biết được, chỉ tùy thuận theo Khế kinh do tin mà biết được. Nay thiện nam! Hàng Thanh văn, Duyên giác tin theo kinh Đại Niết-bàn ấy, tự biết thân mình có tánh Như Lai cũng như vậy. Nay thiện nam! Vì thế, các ông phải siêng năng tu tập kinh Đại Niết-bàn. Nay thiện nam! Phật tánh như vậy chỉ có Phật mới biết được, chẳng phải hàng Thanh văn, Duyên giác có thể biết.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hàng phàm phu không phải là bậc Thánh, có tánh chúng sinh đều nói có ngã.

Đức Phật dạy:

–Ví như hai người bạn thân. Một người là vương tử. Một người là dân nghèo. Hai người này thường gặp gỡ nhau. Lúc đó người nghèo thấy vương tử có một con dao tốt đẹp bậc nhất thì trong lòng

rất ham muốn. Sau đó, vương tử mang dao trốn sang nước khác. Thời gian sau, một hôm người nghèo ở nhà người khác. Trong lúc mơ ngủ nói: “Con dao, con dao”. Người bên cạnh nghe rồi, bắt giải đến chỗ vua. Vua hỏi: “Người nói con dao, vậy người được nó ở đâu?”. Người ấy kể đủ sự việc trước đây, rồi nói: “Giả sử nay nhà vua giết, xẻo thân của thần, cắt rời tay chân, muốn tìm con dao cũng không thể được. Thần và vương tử vốn là bạn thân, trước ở một chỗ, tuy mắt từng nhìn thấy nhưng thậm chí còn không dám chạm tay đến con dao, huống chi là cố ý lấy”. Nhà vua bảo: “Lúc nhà người thấy con dao thì hình dáng của nó giống cái gì?”. Đáp: “Tâu đại vương! Thần thấy con dao giống sừng con dê”. Vua nghe rồi cả cười bảo: “Nay người tùy ý đi đâu thì đi, chớ có lo sợ. Trong kho của ta hoàn toàn không có con dao như thế, huống chi là nhà người thấy con dao đó ở bên vương tử”. Lúc đó vua hỏi các quần thần: “Các khanh có từng thấy con dao đó không?”. Nói xong vua băng hà. Ngay lúc đó quần thần lập một vương tử khác lên kế vị. Tân vương lại hỏi quần thần: “Các khanh đã từng thấy con dao ấy ở trong công khố không?”. Quần thần đáp: “Chúng thần đã thấy”. Hỏi: “Hình dáng nó như thế nào?”. Đáp: “Tâu đại vương! Giống sừng con dê đực”. Vua nói: “Trong công khố của ta, ở chỗ nào có con dao hình dạng như thế?”. Lần lượt, cho đến ông vua thứ tư tra tìm con dao ấy cũng không được. Thời gian sau vương tử lại trở về nước mình, được tôn lên làm vua. Nhà vua lại hỏi các quan: “Các khanh có thấy con dao không?”. Các quan trả lời: “Tâu đại vương! Chúng thần đều thấy”. Nhà vua hỏi tiếp: “Hình dáng của nó giống cái gì?”. Đáp: “Tâu đại vương! Hình dáng của con dao trong sáng giống như hoa sen xanh. Có người nói hình dáng của nó giống sừng dê con. Có người nói con dao màu đỏ như lửa. Có người nói con dao đen tuyền như rấn đen”. Nhà vua cười to bảo: “Các khanh không thấy được chính xác hình dáng con dao của ta”. Nay thiện nam! Cũng vậy, Đại Bồ-tát xuất hiện ở đời nói tướng chân thật của ngã, nói rồi bỏ pháp, giống như vương tử đem con dao đẹp đến nước khác. Người ngu cho rằng tất cả đều có ngã, có ngã giống như người nghèo kia ngủ nhờ nhà người khác, nói “Con dao, con dao”. Hàng Thanh văn, Duyên giác hỏi các chúng

sinh: “Tướng của ngã thế nào?”. Chúng sinh đáp: “Tôi thấy tướng của ngã giống như ngón tay cái, hoặc nói như hạt gạo, hoặc nó giống hạt cỏ, hoặc có người nói tướng ngã ở trong tâm rức rờ như mặt trời”. Chúng sinh đó không biết tướng ngã, giống như các quan không biết hình dáng của con dao. Bồ-tát nói tướng của ngã như vậy. Hàng phàm phu không biết, vọng tưởng sinh ra phân biệt đủ các tướng của ngã. Như hỏi hình dáng của con dao thì đáp giống sừng dê. Các phàm phu ấy lần lượt tương tục sinh ra các tà kiến. Vì muốn đoạn các tà kiến ấy nên Như Lai thị hiện nói tướng vô ngã, giống như vương tử nói với các quan trong kho của ta không có con dao này. Thiện nam! Ngày nay Như Lai nói chân ngã là Phật tánh. Phật tánh ở trong giáo pháp của ta giống như con dao tốt, đẹp. Đây thiện nam! Phàm phu nào có thể nói đúng tức là tùy thuận giáo pháp vô thượng. Nếu người có thể phân biệt tùy thuận giảng nói như vậy thì nên biết người ấy chính là Bồ-tát. Đây thiện nam! Bao nhiêu dị luận, ngôn ngữ, chú thuật, văn tự đều là Phật nói, không phải là ngoại đạo nói.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai nói căn bản văn tự như thế nào?

Đức Phật dạy:

–Đây thiện nam! Ban đầu Như Lai nói nửa chữ để làm căn bản, ghi nhận thật pháp như ký luận, chú thuật, văn chương, các ấn. Hàng phàm phu học căn bản của chữ này, sau đó mới biết là pháp hay phi pháp.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cái gọi là chữ, nghĩa ấy như thế nào?

–Đây thiện nam! Có mười bốn âm gọi là nghĩa của chữ. Chữ ấy là Niết-bàn, thường không lưu chuyển. Nếu không lưu chuyển thì là vô tận. Vô tận là thân kim cang của Như Lai. Mười bốn âm là căn bản của chữ:

Chữ Á là không phá hoại, không phá hoại gọi là Tam bảo, giống như kim cang. Chữ Á không lưu chuyển, không lưu chuyển tức là Như Lai. Vì cửu khiếu của Như Lai không bài tiết cho nên không lưu chuyển, không lưu chuyển tức là thường, thường tức là Như Lai,

Như Lai không tạo tác nên không lưu chuyển. Lại nữa, chữ Á là công đức, công đức là Tam bảo nên gọi là Á.

Chữ A là A-xà-lê. Nghĩa A-xà-lê là gì? Ở trong thế gian gọi là bậc Thánh. Thế nào gọi là bậc Thánh? Thánh gọi là vô trước, thiếu dục tri túc, cũng gọi là thanh tịnh, có thể độ thoát chúng sinh ở ba cõi đang bị lưu chuyển trong biển lớn sinh tử, đó gọi là Thánh. Lại nữa, chữ A gọi là chế độ, là tu trì tịnh giới, tùy thuận oai nghi. Chữ A gọi là nương Thánh nhân để học oai nghi, đi đứng, cử động cúng dường, cung kính, lễ bái Tam bảo, hiếu dưỡng cha mẹ và học Đại thừa. Thiện nam, thiện nữ nào thọ trì đầy đủ giới cấm và các Đại Bồ-tát thì gọi là Thánh nhân, cho nên gọi là chữ A.

Chữ Úc là Phật tánh, phạm hạnh rộng lớn, thanh tịnh không nhớ, giống như trắng rằm. Các ông nên làm như vậy và không nên làm như vậy, đúng nghĩa, không đúng nghĩa, đây là lời Phật dạy, đây là lời ma nói. Đó gọi là Úc.

Chữ Y là pháp Phật vi diệu, sâu xa, khó được, như trời Tự Tại, trời Đại Tự Tại. Pháp gọi là tự tại. Nếu có thể giữ gìn pháp gọi là hộ pháp. Lại nói, Tự Tại là Tứ thiên vương hộ đời. Bốn vị Tự Tại này có thể giữ gìn kinh Đại Niết-bàn, cũng có thể tự diễn bày tuyên thuyết.

Lại chữ Y có thể tự tại thuyết pháp cho chúng sinh. Lại chữ Y vì là tự tại nên nói những pháp nào? Đó là kinh điển tu tập Phương Đẳng. Lại nữa, chữ Y là đoạn trừ ganh ghét như dẹp sạch cỏ rác ô uế, có thể biến thành cỏ cát tường, nên gọi là Y.

Chữ Úc ở trong kinh là tối thượng, tối thắng, tăng trưởng cao tốt, gọi là Đại Niết-bàn. Lại nữa, chữ Úc là tánh Như Lai, hàng Thanh văn, Duyên giác chưa từng được nghe, như tất cả cõi nước ở phương Bắc, Uất-đơn-việt là tối thắng nhất. Nếu Bồ-tát có thể lắng nghe, thọ trì kinh này gọi là tối thượng, tối thắng, vì vậy gọi là Úc.

Chữ Ưu dụ như sữa bò, là vị ngon tối thượng nhất trong các vị ngon. Cũng vậy, tánh Như Lai ở trong các kinh là tối tôn tối thượng. Nếu có người phỉ báng thì nên biết người ấy cùng với bò không khác. Chữ Ưu gọi là người không có trí tuệ chánh niệm, phỉ báng

tạng bí mật vi diệu của Như Lai, nên biết người đó rất đáng thương xót, xa lìa tạng bí mật của Như Lai mà nói pháp vô ngã nên gọi là Ưu.

Chữ Yên tức là pháp tánh Niết-bàn của chư Phật nên gọi là Yên.

Chữ Dã nghĩa là Như Lai tiến, dừng, co, duỗi, chuyển động đều tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, nên gọi là Dã.

Chữ Ô nghĩa là phiền não. Phiền não là các lậu. Như Lai hoàn toàn đoạn tuyệt tất cả phiền não, nên gọi là Ô.

Chữ Pháo nghĩa là Đại thừa, đối với mười bốn âm đó là nghĩa cứu cánh. Các kinh điển Đại thừa cũng như vậy, đối với các kinh là tối thượng cứu cánh, cho nên gọi là Pháo.

Chữ Am có thể ngăn chặn tất cả các vật bất tịnh. Ở trong pháp Phật có thể xả bỏ tất cả vàng, bạc, châu báu nên gọi là Am.

Chữ A nghĩa là thừa thù thắng. Vì sao? Vì kinh Đại Niết-bàn này là tối thắng nhất trong các kinh, nên gọi là A.

Chữ Ca là đối với tất cả chúng sinh khởi tâm đại từ bi, tưởng như con ruột, như La-hầu-la, làm những việc nghĩa tốt lành nhất, nên gọi là Ca.

Chữ Khư gọi là chẳng phải bạn tốt. Không phải bạn tốt nên gọi là tạp uế. Không tin tạng bí mật của Như Lai nên gọi là Khư.

Chữ Già gọi là tạng. Tạng tức là tạng bí mật của Như Lai. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh nên gọi là Già.

Chữ Hằng là thường tâm của Như Lai. Vì sao gọi là thường tâm của Như Lai? Nghĩa là Như Lai thường trụ không thay đổi, cho nên gọi là Hằng.

Chữ Nga là tướng phá hoại của tất cả các hành, cho nên gọi là Nga.

Chữ Giá nghĩa là tu, vì điều phục tất cả chúng sinh nên gọi là tu. Vì thế gọi là Giá.

Chữ Xa là Như Lai che chở tất cả chúng sinh như lọng lớn, nên gọi là Xa.

Chữ Xà là tánh giải thoát, vì không có tướng già nên gọi là Xà.

Chữ Thiện là phiền não um tùm như rừng rậm nên gọi là Thiện.

Chữ Nhã nghĩa là trí tuệ, vì biết rõ pháp chân như nên gọi là Nhã.

Chữ Tra là ở cõi Diêm-phù-đề thị hiện nửa thân mà thuyết pháp như bán nguyệt, nên gọi là Tra.

Chữ Sá là đầy đủ pháp thân giống như trăng tròn, nên gọi là Sá.

Chữ Trà là tăng ngu si, không biết thưởng, vô thưởng dụ như trẻ con nên gọi là Trà.

Chữ Tổ là không biết ân sư, giống như dê đực, nên gọi là Tổ.

Chữ Noa là chẳng phải nghĩa Thánh, dụ như ngoại đạo, nên gọi là Noa.

Chữ Đa là lúc Như Lai bảo các Tỳ-kheo: “Nên xa lìa sự kinh sợ, Ta sẽ vì các ông thuyết pháp vi diệu”, nên gọi là Đa.

Chữ Tha nghĩa là ngu si. Chúng sinh lưu chuyển sinh tử bị ràng buộc như tầm làm kén, nên gọi là Tha.

Chữ Đà là bố thí lớn, đó là Đại thừa nên gọi là Đà.

Chữ Đạn là khen ngợi công đức. Nghĩa là Tam bảo như núi Tu-di rộng lớn, cao ngất, không có nghiêng ngã, nên gọi là Đạn

Chữ Na là an trụ Tam bảo không bị lay động dụ như then cửa, nên gọi là Na.

Chữ Ba nghĩa là điên đảo. Như nói Tam bảo đều diệt tận thì nên biết người này tự nghi ngờ, mê hoặc nên gọi là Ba.

Chữ Phả là tai họa ở thế gian. Nếu nói lúc tai họa sinh ở thế gian, Tam bảo cũng diệt tận, thì nên biết người này ngu si, vô trí, trái với ý chỉ của bậc Thánh, nên gọi là Phả.

Chữ Bà là mười trí lực của Phật, nên gọi là Bà.

Chữ Phạm là có thể gánh vác gánh nặng chánh pháp vô thượng. Nên biết người đó là Đại Bồ-tát, nên gọi là Phạm.

Chữ Ma là phép tắc trang nghiêm của các Bồ-tát ở khắp mọi nơi, vì các chúng sinh mà nói pháp Đại thừa, nên gọi là Ma.

Chữ Xà là các Bồ-tát ở khắp mọi nơi vì các chúng sinh mà nói pháp Đại thừa, nên gọi là Xà.

Chữ Ra là có thể nói pháp chân thật, hủy hoại tham dục, sân hận, ngu si nên gọi là Ra.

Chữ La là thừa Thanh văn, chuyển động không ngừng, Đại thừa kiên cố không bị lay động. Bồ thừa Thanh văn tinh tấn tu tập Đại thừa vô thượng nên gọi là La.

Chữ Hòa là Đức Như Lai Thế Tôn vì các chúng sinh mà mưa pháp lớn, đó là những chú thuật, kinh sách ở thế gian nên gọi là Hòa.

Chữ Xa là xa lìa ba mũi tên độc, nên gọi là Xa.

Chữ Sa nghĩa là đầy đủ, vì có thể nghe kinh Đại Niết-bàn này tức là đã được nghe và thọ trì tất cả kinh điển Đại thừa nên gọi là Sa.

Chữ Ta là vì tất cả chúng sinh diển nói chánh pháp làm cho họ vui mừng, nên gọi là Ta.

Chữ Ha là tâm hoan hỷ: Kỳ lạ thay! Thế Tôn lìa tất cả hành. Quái lạ thay! Như Lai nhập Niết-bàn, nên gọi là Ha.

Chữ Trà nghĩa là ma. Vô lượng ma không thể phá hoại tạng bí mật của Như Lai, nên gọi là Trà. Lại nữa, chữ Trà là thị hiện tùy thuận thế gian như thị hiện cha mẹ, vợ, con, nên gọi là Trà.

Lỗ, Lưu, Lư, Lâu, bốn chữ này giảng nói có bốn nghĩa là Phật, Pháp, Tăng và Đối pháp. Nói đối pháp là tùy thuận thế gian như Đê-bà-đạt thị hiện phá Tăng, hóa làm đủ thứ hình tướng, do đó Phật chế giới. Nếu người trí hiểu rõ thì không nên đối với sự việc ấy mà sinh sợ hãi. Đó là hạnh tùy thuận thế gian, nên gọi là Lỗ, Lưu, Lư, Lâu.

Hít vào thì lưỡi tùy theo tiếng của lỗ mũi; dài, ngắn tùy theo âm thanh nhưng giải nghĩa đều do lưỡi, răng mà có sai khác. Nghĩa của chữ này có thể làm thanh tịnh khẩu nghiệp của chúng sinh. Phật tánh của chúng sinh thì không như thế mà nhờ văn tự sau đó được thanh tịnh. Vì sao? Vì tánh vốn thanh tịnh. Tuy ở trong ấm, giới, nhập nhưng không đồng ở trong ấm, giới, nhập. Cho nên chúng sinh phải quay về nương tựa. Các Bồ-tát do Phật tánh nên bình đẳng xem

chúng sinh không có sai khác. Cho nên nửa chữ làm căn bản cho kinh sách, ký luận, văn chương. Lại nữa, nghĩa của nửa chữ đều là gốc của lời nói phiền não, nên gọi là nửa chữ. Chữ đầy đủ mới là căn bản lời nói của tất cả pháp thiện. Ví như người làm ác thì trong thế gian gọi là nửa người. Người tu thiện gọi là một người đầy đủ. Tất cả kinh sách đều do nửa chữ làm căn bản. Nếu nói Như Lai và chánh giải thoát nhập vào trong nửa chữ, thì sự việc này không đúng. Vì sao? Vì xa lìa văn tự. Cho nên Như Lai đối với tất cả các pháp đều không ngăn ngại, không đả trước, chân thật giải thoát. Thế nào là hiểu rõ nghĩa của chữ? Biết Như Lai xuất hiện ở đời có thể diệt nửa chữ, nên gọi là hiểu nghĩa chữ. Nếu người nào chạy theo nghĩa của nửa chữ thì người đó không biết tánh của Như Lai. Vì sao gọi là nghĩa không chữ? Đó là gần gũi tu hành pháp bất pháp thiện. Lại không chữ là tuy có thể gần gũi tu tập pháp thiện nhưng không biết Như Lai là thường hay vô thường, hằng hay chẳng phải hằng và hai ngôi báu Pháp cùng Tăng, luật cùng phi luật, kinh cùng chẳng phải kinh, lời ma, lời Phật. Nếu không thể phân biệt như vậy thì gọi là tùy theo nghĩa không chữ. Nay Ta đã nói như thế là tùy theo nghĩa không chữ. Nay thiện nam! Vì vậy, ông nên lìa nửa chữ, khéo hiểu rõ nghĩa đầy đủ.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con sẽ khéo học chữ số. Nay chúng con mới thật sự được gặp bậc thầy vô thượng, đã lãnh thọ sự ân cần chỉ dạy của Như Lai.

Đức Phật khen Bồ-tát Ca-diếp:

–Lành thay! Lành thay! Người mến mộ chánh pháp nên học như vậy.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Nay thiện nam! Có hai giống chim: một là Ca-lân-đề, hai là Uyên ương. Hai giống chim này, lúc bay, lúc đậu đều bên nhau, không tách rời. Các pháp khổ, vô thường, vô ngã cũng vậy, không rời nhau.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là các pháp khổ, vô thường, vô ngã như chim Uyên ương và chim Ca-lân-đê?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Pháp khổ khác, pháp lạc khác, pháp thường khác, pháp vô thường khác, pháp ngã khác, pháp vô ngã khác. Ví như lúa gạo khác mè, lúa tẻ; mè khác với đậu, mía. Các thứ ấy từ lúc nảy mầm cho đến lúc trở lá đơm hoa đều vô thường, đến lúc hạt chín để người thợ dụng mới gọi là thường. Vì sao? Vì tánh chân thật vậy.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các vật như vậy nếu là thường thì đồng với Như Lai chăng?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ông không nên nói như vậy. Vì sao? Nếu nói Như Lai như núi Tu-di thì vào thời kiếp hoại, núi Tu-di sụt lở, lúc ấy Như Lai lẽ nào lại cùng tan hoại sao? Này thiện nam! Nay ông không nên ghi nhận nghĩa này. Thiện nam, tất cả các pháp chỉ trừ Niết-bàn, không có một pháp nào là thường, chỉ theo sự thật thế gian mà nói thì nó là thường.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Lành thay! Lành thay! Đúng như lời Phật dạy.

Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Này thiện nam! Tuy tu tập tất cả khế kinh, các định nhưng chưa nghe kinh Đại Niết-bàn này, thì đều cho rằng tất cả là vô thường. Khi nghe kinh này rồi thì tuy có phiền não cũng như không có phiền não, có thể tạo lợi ích cho tất cả hàng trời, người. Vì sao? Vì hiểu rõ tự thân có Phật tánh, nên gọi là thường.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như cây xoài bắt đầu trổ hoa, gọi là tướng vô thường, đến lúc kết trái, có nhiều lợi ích gọi là thường. Như vậy, này thiện nam! Tuy tu tập tất cả khế kinh, các định, nhưng chưa nghe kinh Đại Niết-bàn này thì đều cho rằng tất cả vô thường. Khi nghe kinh này rồi thì tuy có phiền não cũng như không có phiền não, có thể làm lợi ích cho tất cả hàng trời, người. Vì sao? Vì hiểu rõ tự

thân có Phật tánh, nên gọi là thường.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như lúc đang nấu chảy vàng ròng là tướng vô thường. Nấu xong, tạo thành vàng có nhiều lợi ích nên gọi là thường. Như vậy, này thiện nam! Tuy tu tập tất cả kệ kinh, các định nhưng chưa nghe kinh Đại Niết-bàn này thì đều cho rằng tất cả là vô thường. Khi nghe kinh này rồi thì tuy có phiền não cũng như không có phiền não, có thể làm lợi ích cho tất cả hàng trời, người. Vì sao? Vì hiểu rõ tự thân có Phật tánh, nên gọi là thường.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như mè, khi chưa ép gọi là vô thường, đã ép thành dầu có nhiều lợi ích mới gọi là thường. Như vậy, này thiện nam! Tuy tu tất cả kệ kinh, các định, nhưng chưa nghe kinh Đại Niết-bàn này thì đều cho rằng tất cả là vô thường. Khi nghe kinh này rồi thì tuy có phiền não cũng như không có phiền não, có thể làm lợi ích cho tất cả hàng trời, người. Vì sao? Vì hiểu rõ tự thân có Phật tánh, nên gọi là thường.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như các dòng nước đều chảy về biển cả. Tất cả các kệ kinh, các định, các Tam-muội đều quy về kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa. Vì sao? Vì rất ráo khéo nói chúng sinh đều có Phật tánh. Này thiện nam! Vì thế, Ta nói pháp thường khác, pháp vô thường khác cho đến pháp vô ngã cũng như vậy.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai đã xa lìa mũi tên độc ưu sầu. Nếu ưu sầu gọi là trời thì Như Lai không phải là trời, nếu ưu sầu gọi là người thì Như Lai không gọi là người, nếu ưu sầu gọi là hai mươi lăm cõi thì Như Lai không phải là hai mươi lăm cõi. Vì vậy, Như Lai không có ưu sầu. Vì sao gọi Như Lai ưu sầu? Này thiện nam! Trời Vô tướng gọi là vô tướng. Nếu vô tướng thì không có thọ mạng. Nếu không có thọ mạng thì sao gọi là ấm, giới, nhập? Vì nghĩa này nên nói tuổi thọ của trời Vô tướng không thể nói có chỗ trụ. Này thiện nam! Ví như các thân cây nường cây để ở, không chắc chắn nói nường nơi cành, nường nhánh, nường thân hay nường lá. Tuy không quyết định chỗ ở chắc chắn, cũng không thể nói là không. Tuổi thọ của trời Vô tướng cũng vậy. Này thiện nam! Phật tánh cũng vậy, rất khó hiểu. Như Lai

thật không ưu sầu, khổ não, vì khởi tâm đại từ bi đối với chúng sinh mới hiện ra ưu sầu, xem các chúng sinh như La-hầu-la. Lại nữa, này thiện nam! Tuổi thọ của trời Vô tướng chỉ có Phật mới biết được, ngoài ra không ai biết được, cho đến trời Phi tướng, phi phi tướng xứ cũng như vậy. Này Ca-diếp! Tánh thanh tịnh, không nhiễm của Như Lai giống như hóa thân thì đâu có ưu sầu, khổ não. Nếu cho rằng Như Lai không có ưu sầu thì làm sao tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, làm sao hoằng dương Pháp Phật? Nếu cho rằng không có ưu bi thì tại sao nói Như Lai xem chúng sinh như La-hầu-la? Nếu không bình đẳng xem như La-hầu-la thì nói như vậy là hư dối. Do nghĩa ấy, này thiện nam! Nên biết Phật không thể nghĩ bàn, Pháp không thể nghĩ bàn, Phật tánh của chúng sinh không thể nghĩ bàn, tuổi thọ của trời Vô tướng không thể nghĩ bàn. Như Lai có ưu sầu hay không ưu sầu, đó là cảnh giới của Phật, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể biết được. Này thiện nam! Ví như nhà cửa, bụi trần không thể đứng vững giữa hư không, nhưng nếu nói nhà cửa không nhờ vào hư không mà đứng vững, thì không có lẽ ấy. Do nghĩa này mà không thể nói nhà trụ giữa hư không hay là không trụ giữa hư không. Hàng phàm phu tuy nói nhà trụ giữa hư không nhưng hư không thật ra không có chỗ trụ. Vì sao? Vì tánh không trụ. Này thiện nam! Tâm cũng như vậy, không thể nói trụ hoặc không trụ nơi ấm, giới, nhập. Tuổi thọ của trời Vô tướng cũng như vậy. Như Lai ưu sầu cũng như vậy. Nếu không ưu sầu, tại sao Như Lai xem chúng sinh như La-hầu-la. Nếu cho rằng có ưu sầu thì tại sao nói tánh đồng với hư không. Này thiện nam! Ví như nhà ảo thuật tùy ý biến hóa ra vô số cung điện, giết chết, làm sống lại, trói buộc, thả ra và hóa ra vật báu, vàng, bạc, lưu ly, rừng cây, nhưng đều không có thật tánh. Cũng như vậy, Như Lai đang tùy thuận thế gian thị hiện ưu sầu nhưng không có thật. Này thiện nam! Như Lai nhập Niết-bàn rồi thì làm sao có ưu sầu, khổ não. Nếu cho rằng Như Lai nhập Niết-bàn là vô thường thì nên biết người đó có ưu sầu. Nếu cho rằng Như Lai nhập Niết-bàn mà thường trụ bất biến thì nên biết người đó không có ưu sầu. Như Lai có ưu sầu hay không có ưu sầu đều không thể biết được. Lại nữa, này thiện nam! Ví như người bậc hạ có thể biết được pháp bậc hạ,

nhưng không thể biết được pháp bậc trung, bậc thượng. Người bậc trung biết được pháp bậc trung, nhưng không thể biết được pháp bậc thượng. Người bậc thượng biết được pháp bậc thượng, bậc trung và bậc hạ. Cũng như vậy, Thanh văn, Duyên giác chỉ biết quả vị của mình. Còn Như Lai thì không như vậy, Như Lai biết quả vị của mình và các quả vị khác. Cho nên Như Lai được gọi là trí vô ngại. Như Lai tùy thuận thế gian mà thị hiện biến hóa, nhưng theo con mắt thịt của phàm phu cho đó là chân thật, mà muốn biết rõ trí vô thượng vô ngại của Như Lai thì không có lẽ đó. Có ưu sầu hay không có ưu sầu chỉ có Như Lai biết được. Do nhân duyên này mà Ta nói pháp có ngã khác pháp vô ngã. Đó chính là chim uyên ương và chim Ca-lân-đề. Lại nữa, này thiện nam! Pháp Phật ví như chim uyên ương và chim Ca-lân-đề cùng bay. Giữa mùa hè, nước dâng lên, chúng chọn chỗ an ổn trên vùng cao để làm tổ nuôi dưỡng chim con. Sau đó chốn cũ bình yên rồi thì quay trở về. Cũng vậy, Như Lai xuất thế giáo hóa vô lượng chúng sinh khiến trụ vào chánh pháp. Giống như chim uyên ương và chim Ca-lân-đề chọn chỗ an ổn trên cho chim con. Cũng vậy, Như Lai khiến cho chúng sinh tu hành viên mãn, liền nhập Đại Niết-bàn. Này thiện nam! Đó là pháp khổ khác, pháp vui khác, các hành là khổ, Niết-bàn là vui, vì pháp vi diệu đệ nhất hủy hoại các hành.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật

–Bạch Thế Tôn! Làm sao chúng sinh được an vui đệ nhất?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như Ta đã nói, các hành hòa hợp là già chết.

*Cẩn thận không buông lung
Đó gọi là cam lồ
Buông lung không cẩn thận
Gọi đó là chỗ chết
Nếu người không buông lung
Thì không vào cõi chết
Nếu như người buông lung
Luôn hướng đến đường chết.*

Nếu buông lung là pháp hữu vi, pháp hữu vi đó là đệ nhất khổ. Không buông lung là Niết-bàn, Niết-bàn là cam lồ, vô cùng an vui. Nếu chạy theo các hành là đến chỗ chết, chịu khổ vô cùng. Nếu hưởng đến Niết-bàn thì gọi là bất tử, hưởng an vui tốt bậc. Nếu không buông lung thì tuy theo các hành nhưng cũng gọi là thường lạc, bất tử, không phá hoại thân. Thế nào là buông lung? Thế nào là không buông lung? Phạm phu chẳng phải Thánh gọi là pháp buông lung thường chết. Thánh nhân xuất thế là không buông lung, không có già chết. Vì sao? Vì nhập Niết-bàn thường lạc đệ nhất. Do ý nghĩa đó nên nói pháp khác là khổ, pháp khác là vui, pháp khác là ngã, pháp khác là vô ngã. Này thiện nam! Như người ở dưới đất ngược xem trên bầu trời không thấy dấu chân chim, chúng sinh cũng vậy, không có thiên nhãn, ở trong phiền não không tự thấy có tánh Như Lai. Vì vậy Ta nói mật giáo vô ngã. Vì sao? Vì người không có thiên nhãn không biết chân ngã nên chấp ngã, hữu vi do các phiền não tạo tác là vô thường. Vì vậy Ta nói pháp khác là thường, pháp khác là vô thường.

*Người tinh tấn dũng mãnh
Nếu ở trên đỉnh núi
Đất bằng và đồng vắng
Thường thấy các phạm phu
Lên điện trí tuệ lớn
Đài vi diệu vô thượng
Đã tự trừ sầu lo
Cũng thấy chúng sinh lo.*

Như Lai đoạn trừ hết vô lượng phiền não, trụ núi trí tuệ, thấy các chúng sinh thường ở trong vô lượng ức phiền não.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như nghĩa trong bài kệ đã nói là không đúng. Vì sao? Vì người nhập Niết-bàn thì không lo, không mừng. Sao gọi là lên điện, đài trí tuệ, lại sao gọi là đứng trên đỉnh núi mà nhìn chúng sinh?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Điện trí tuệ tức là Niết-bàn, không sâu lo gọi là Như Lai, có sâu lo gọi là phàm phu. Vì phàm phu lo sâu nên Như Lai không lo sâu. Đỉnh núi Tu-di gọi là chánh giải thoát. Siêng năng tinh tấn dụ như núi Tu-di không động chuyển. Đất là hành hữu vi. Các phàm phu ở nơi đất ấy, tạo tác các hành. Người có trí tuệ đó là chánh giác. Vì lìa hữu, thường trụ nên gọi là Như Lai.

Như Lai thương xót vô lượng chúng sinh thường bị trúng mũi tên độc nơi các cõi, cho nên gọi Như Lai có ưu phiền.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Giả sử Như Lai có lo sâu thì không thể gọi là Chánh Đẳng Giác.

Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Tất cả đều có nhân duyên, tùy theo chỗ có chúng sinh cần thọ sinh giáo hóa thì Như Lai ở trong đó thì hiện thọ sinh.

Tuy thị hiện thọ sinh mà không thật sinh. Cho nên Như Lai là pháp thường trụ như chim Ca-lân-đề và chim uyên ương.

□